

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 03/02/2021

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quang Phú

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Oanh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 03/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2020/TLST- HNGĐ ngày 20/7/2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị T, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Khu định cư 33, ấp C, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Đỗ Tiến H, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp L, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hà Thị T trình bày: Bà T và ông Đỗ Tiến H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà T và ông H sống đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, ông H đánh đập bà T. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà T và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con tên Hà Tường V, sinh ngày 02/3/2014. Khi ly hôn bà T xin nuôi con, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Tại phiên Tòa bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà T, ông H tạo dựng được các tài sản gồm: 01 thửa đất diện tích 2.157m² tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01597 ngày 20/7/2015 đứng tên ông Đỗ Tiến H. Đất nhận chuyển nhượng năm 2015. Trên đất có:

- Các công trình xây dựng gồm: Căn nhà chính loại 6, diện tích 59,04m²; 01 nhà vệ sinh riêng biệt diện tích 9,6m²; 01 phần nhà trước nối thêm diện tích 56,58m²; 01 nhà mượn 2 vách bên phải loại 8 diện tích 27m²; 01 nhà gỗ diện tích 9,1m²; mái hiên tiền chế 59,53m²; 01 sân bê tông diện tích 175,2m²; 02 trụ cổng xây gạch; 01 giếng đào; 01 tấm đan đầy giếng

- Các vật dụng trong nhà gồm: 01 tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 01 máy giặt; 01 ti vi, 01 âm ly, 01 bộ loa; 01 máy xay tiêu; 01 máy xịt thuốc; 01 cân đồng hồ; 01 máy phát cỏ.

- Cây trồng trên đất gồm: 16 cây sầu riêng; 07 cây điều; 02 cây bơ.

Các tài sản trên do ông H, bà T cùng tạo dựng, công sức đóng góp như nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi, bà T nhận ½ giá trị tài sản, ông H nhận ½ giá trị tài sản. Bà T đồng ý giao toàn bộ tài sản trên cho ông H quản lý, sử dụng và yêu cầu ông H hoàn lại giá trị cho bà T.

Ngoài ra trên đất còn có một số công trình khác như hàng rào bao quanh thửa đất, cổng sắt, một số cây trồng khác như cây mai, chuối, măng cụt, sứa, chôm chôm, dứa nhưng bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H, bà T có vay ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh Lộc Ninh số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) để xây căn nhà trên đất và đầu tư trồng tiêu. Nay ông H đã trả tiền nợ cho Ngân hàng nên bà T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Tiến H trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, thời gian mâu thuẫn, về nguyên nhân mâu thuẫn ông H cũng cho rằng bà T có quan hệ bất chính với người khác. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng thì ông H đồng ý.

Về con chung: Có 01 con tên Hà Tường V, sinh ngày 02/3/2014. Khi ly hôn ông H đồng ý giao cháu V cho bà T nuôi. Tại phiên tòa bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con ông H đồng ý.

Về tài sản chung: Toàn bộ tài sản mà bà T trình bày như trên là tài sản riêng của ông H. Đất là do ông H nhận chuyển nhượng đứng tên ông H, nhà và các công trình khác là do ông H vay tiền để xây dựng. Bà T và ông H sống chung không đăng ký kết hôn và bà T không đóng góp gì để tạo dựng lên khối tài sản này nên ông H không đồng ý chia theo yêu cầu của bà T.

Về nợ: Trong thời gian ông H chung sống với bà T, ông H có vay của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Lộc Ninh số tiền 300.000.000 đ (*ba trăm triệu đồng*) để trả tiền chuyển nhượng đất và xây căn nhà trên đất. Đây là nợ riêng của ông H. Hiện nay, ông H đã trả toàn bộ số nợ 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) cho ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Lộc Ninh.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của pháp luật

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hà Thị T và ông Đỗ Tiến H là vợ chồng.

Về con chung: Giao con tên Hà Tường V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Toàn bộ tài sản là thửa đất diện tích 2.157m² tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01597 ngày 20/7/2015 đứng tên ông Đỗ Tiến H, cùng toàn bộ tài sản trên đất như trên thuộc quyền sở hữu của ông H, ông H giao cho bà T giá trị tài sản là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), giao làm 02 lần, thời hạn giao tiền là ngày 30/4/2021 giao 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*); ngày 31/12/2021 giao 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Về nợ: Ông H đã trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Lộc Ninh nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Hà Thị T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Đỗ Tiến H, yêu cầu của bà Hà Thị T được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Đỗ Tiến H cư trú tại ấp Lộc Bình 2,

xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị T và ông Đỗ Tiến H chung sống năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông H và bà T sống hòa thuận đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Quá trình chung sống tuy có đủ điều kiện nhưng bà T ông H vẫn không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Như vậy, việc bà T và ông H chung sống với nhau từ năm 2013, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân – gia đình. Tại khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân – gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*. Vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận bà Hà Thị T và ông Đỗ Tiến H là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Bà T và ông H có con chung tên Hà Tường V, sinh năm 02/3/2014. Bà T và ông H thống nhất giao con cho bà T nuôi nên cần ghi nhận giao cháu Hà Tường V, sinh năm 02/3/2014 cho bà Hà Thị T nuôi. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[3.3]. Về tài sản chung: Ông H xác định nguồn gốc đất diện tích 2.157m² tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước là do ông H nhận chuyển nhượng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01597 ngày 20/7/2015 đứng tên ông Đỗ Tiến H.

Tại phiên tòa, ông H bà T thỏa thuận giao tài sản cho ông H gồm: Thửa đất diện tích 2.157m² tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh cùng toàn bộ tài sản trên đất như:

- Các công trình xây dựng gồm: Căn nhà chính loại 6 diện tích 59,04m²; 01 nhà vệ sinh riêng biệt diện tích 9,6m²; 01 phần nhà trước nối thêm diện tích 56,58m²; 01 nhà mượn 2 vách bên phải loại 8 diện tích 27m²; 01 nhà gỗ diện tích 9,1m²; mái hiên tiền chế 59,53m²; 01 sân bê tông diện tích 175,2m²; 02 trụ cổng xây gạch; 01 giếng đào; 01 tấm đan đầy giếng.

- Các vật dụng trong nhà gồm: 01 tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 01 máy giặt; 01 ti vi, 01 âm ly, 01 bộ loa; 01 máy xay tiêu; 01 máy xịt thuốc; 01 cân đồng hồ; 01 máy phát cỏ.

- Cây trồng trên đất gồm: 16 cây sầu riêng; 07 cây điều; 02 cây bơ.

- Một số công trình khác như hàng rào bao quanh thửa đất, cổng sắt, một số cây trồng khác như cây mai, chuối, măng cụt, sứa, chôm chôm, dừa

Ông H hoàn giá trị tài sản cho bà T số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), giao làm 02 lần, thời hạn giao tiền là ngày 30/4/2021 giao 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*); ngày 31/12/2021 giao 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Xét thấy thỏa thuận về tài sản giữa ông H và bà T là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cần ghi nhận.

[4]. Về nợ: Ông H đã trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Lộc Ninh nên không xem xét.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 3.000.000đ bà T chịu được khấu trừ vào số tiền đã nộp.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, bà T là đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo nên được miễn án phí.

Về án phí chia tài sản chung: Bà T là đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông H phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015

- Khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 219 bộ luật dân sự 2015.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Hà Thị T.

1. Tuyên bố: Không công nhận bà Hà Thị T và ông Đỗ Tiến H là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao con tên Hà Tường V, sinh ngày 02/3/2014 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông H được sở hữu tài sản gồm: Thửa đất diện tích 2.157m² tọa lạc tại ấp 6, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01597 ngày 20/7/2015 đứng tên ông Đỗ Tiến H, cùng toàn bộ tài sản trên đất:

- Các công trình xây dựng gồm: Căn nhà chính loại 6, diện tích 59,04m²; 01 nhà vệ sinh riêng biệt diện tích 9,6m²; 01 phần nhà trước nối thêm diện tích 56,58m²; 01 nhà mượn 2 vách bên phải loại 8 diện tích 27m²; 01 nhà gỗ diện tích 9,1m²; mái hiên tiền chế 59,53m²; 01 sân bê tông diện tích 175,2m²; 02 trụ cổng xây gạch; 01 giếng đào; 01 tấm đan đầy giếng

- Các vật dụng trong nhà gồm: 01 tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 01 máy giặt; 01 ti vi, 01 âm ly, 01 bộ loa; 01 máy xay tiêu; 01 máy xịt thuốc; 01 cân đồng hồ; 01 máy phát cỏ.

- Cây trồng trên đất gồm: 16 cây sầu riêng; 07 cây điều; 02 cây bơ.

Ông H hoàn giá trị tài sản cho bà T số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), giao làm 02 lần, thời hạn giao tiền là ngày 30/4/2021 giao 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*); ngày 31/12/2021 giao 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận giao tiền cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) bà T chịu được khấu trừ vào số tiền đã nộp.

6. Về nợ: Không có.

7. Về án phí: Bà T được miễn toàn bộ án phí.

Ông H phải chịu 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kiều Chinh